

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99/2024/HS-ST**

Ngày 29 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nga.

2. Ông Lê Minh Chiêu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 95/2024/TLST - HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Công T**, sinh ngày 08 tháng 6 năm 1998 tại xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 03809800...; Con ông: Lê Công T, sinh năm 1976 và bà: Vũ Thị M, sinh năm: 1975; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Trịnh Thị Thu P, sinh năm 2003, có 01 con, sinh ngày 31/12/2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/8/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trịnh Thị Thu P, sinh ngày: 08/11/2003 (Có mặt).

ĐKHKT: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Những người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 (Có mặt).

2. Ông Trịnh Văn M, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Đều trú tại: Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

3. Ông Lê Công T, sinh năm 1976 (Có mặt).

4. Bà Vũ Thị M, sinh năm 1975 (Có mặt).

Đều trú tại: Thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2019, Lê Công T và chị Trịnh Thị Thu P (sinh ngày 08/11/2003, ở Thôn Y, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa) quen biết và có mối quan hệ yêu đương nhau. Do muốn kết hôn, về chung sống cùng nhau nên Phương và T đã nói với gia đình về việc Phương có thai với T và xin hai bên gia đình cho cưới nhau. Khi đó, cho rằng Phương có thai với T thật nên bố mẹ của Phương và T đồng ý cho Phương và T lấy nhau. Vào tháng 3/2019, T và Phương được hai bên gia đình tổ chức đám cưới, về chung sống với nhau tại gia đình T ở thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi cưới thì Phương chưa có thai. Trong quá trình chung sống với nhau thì T và chị P nhiều lần quan hệ tình dục nên chị P mới có thai và đến ngày 31/12/2019 sinh con là cháu Lê Quốc B. Do chị P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nên sau khi đám cưới đến ngày 12/11/2021, T và chị P mới đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Định để làm thủ tục đăng ký kết hôn. Ngày 15/11/2021, T đến Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Yên Định đăng ký khai sinh cho cháu Lê Quốc B (BL số 50-60, 68-73, 74-112, 125-126, 127-128, 129-130, 131-132).

Đầu năm 2024, giữa T và chị P có xảy ra mâu thuẫn nên hai bên đã sống ly thân, chị P đưa cháu Lê Quốc B về nhà bố mẹ để sinh sống.

Quá trình quản lý nhân khẩu tại địa phương, Công an xã Đ, huyện Yên Định phát hiện ra trường hợp T và chị P có con chung là cháu Lê Quốc B. Cháu Bảo sinh ra khi chị P chưa đủ 16 tuổi. Ngày 22/7/2024, Công an xã Đ, huyện Yên Định đã báo cáo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Định (BL số 01).

Cơ quan điều tra thụ lý, xác minh nguồn tin tội phạm, quá trình xác minh đã tiến hành thu thập mẫu tóc của Lê Công T, chị Trịnh Thị Thu P và cháu Lê Quốc B để trưng cầu giám định AND. Tại bản kết luận giám định số 3024/KL-KTHS ngày 16/8/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Lê Quốc B là con đẻ của Trịnh Thị Thu P;
- Lê Quốc B là con đẻ của Lê Công T, xác suất 99,999999% (BL số 113-118, 121).

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKSYĐ ngày 30/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định đã truy tố Lê Công T về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo Điều a, d Khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lê Công T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Công T phạm tội “Giao

cầu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”; Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm a, d Khoản 2 Điều 145, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Công T từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/8/2024. Về hình phạt bổ sung, không áp dụng; Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết xong; Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo Lê Công T thống nhất với quan điểm luận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Bị hại cũng không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị cho bị cáo T mức hình phạt thấp nhất. Bị cáo T nói lời sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Lê Công T đã hoàn toàn thừa nhận: Vào đầu năm 2019, T và chị Trịnh Thị Thu P có quen biết, tìm hiểu yêu đương với nhau. Sau đó, đến tháng 3/2019, T và chị P được gia đình tổ chức kết hôn và chung sống với nhau tại nhà T ở thôn M, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Trong thời gian chung sống, T và Phương đã nhiều lần tự nguyện quan hệ tình dục, chị P có thai và đến ngày 31/12/2019 chị P sinh con là cháu Lê Quốc B. Cháu Bảo là con đẻ của T và chị P. Tại thời điểm sinh cháu Bảo, chị P mới 16 tuổi 01 tháng 23 ngày.

Lời khai nhận của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi quan hệ tình dục của bị cáo T nhiều lần với chị P và sinh cháu Lê Quốc B khi chị P trong độ tuổi từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi đã phạm vào tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điểm a, d Khoản 2 Điều 145 của Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định truy tố bị cáo theo tội danh trên, đề nghị HĐXX áp dụng điều luật là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Đây là vụ án giao cấu đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của bị hại và ảnh

hưởng xấu đến nếp sống văn hóa, thuần phong mỹ tục của người Việt. Mặc dù việc quan hệ tình dục giữa bị cáo T và chị P là xuất phát từ tình cảm yêu đương, sự đồng thuận của cả hai, không bên nào ép buộc bên nào nhưng bị hại còn đang trong độ tuổi từ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên hành vi quan hệ tình dục này là trái pháp luật. Cần phải lên mức án nghiêm khắc để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo thành công dân tốt. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện thì thấy bị cáo và bị hại xuất phát từ sự tìm hiểu nhau, yêu đương và trao gửi tình yêu cho nhau rồi xây dựng cuộc sống chung, khi sinh con đã cùng nhau chăm sóc nuôi dưỡng. Đến khi đủ tuổi theo quy định pháp luật cả hai đã đăng ký kết hôn. Bị cáo thành khẩn khai báo, hối hận về hành vi, sự thiếu hiểu biết pháp luật của mình, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, bị hại hiện nay là vợ hợp pháp của bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo để bị cáo cải tạo, sớm trở về cùng với gia đình nuôi dạy con cái. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo là phù hợp thể hiện tính chất khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với ông Lê Công T, bà Vũ Thị M là bố mẹ đẻ của T; bà Nguyễn Thị N, ông Trịnh Văn M là bố mẹ đẻ chị P có hành vi tổ chức cưới cho T và chị P khi chị P chưa đủ tuổi trưởng thành có dấu hiệu của tội “Tổ chức tảo hôn”. Tuy nhiên, họ đều vi phạm lần đầu, không có tiền án, tiền sự nên cần kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đến Chủ tịch UBND xã nơi các ông bà cư trú yêu cầu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật. Hơn nữa, bố mẹ của T và chị P cũng không phải là chủ thể trong tội “Không tố giác tội phạm”.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường đầy đủ và không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án, không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm a, d Khoản 2 Điều 145, Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Công T phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 31/8/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Công T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Công an huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Chiêu Phạm Thị Nga

Nguyễn Thị Hoa